

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 300/2018/DS-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng
nợ hụi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Rở

Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vĩnh Lộc**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1964; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị Hồng P**, sinh năm 1961; (vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày: Bà có tham gia chơi 02 dây hụi do bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn L làm chủ hụi, vợ chồng bà P còn nợ số tiền của 2 dây hụi cụ thể sau:

1. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20-02-2016 âm lịch, gồm 27 phần bà chơi 01 phần và đã đóng hụi sống đến ngày 25-5-2017 âm lịch thì bà P vỡ nợ. Số tiền đã đóng 16 tháng x 700.000 đồng/tháng = 11.200.000 đồng.

2. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20-11-2016 âm lịch, gồm 24 phần bà chơi 01 phần và đã đóng hụi sống đến ngày 25-5-2017 âm lịch thì bà P vỡ nợ. Số tiền đã đóng 08 tháng x 700.000 đồng/tháng = 5.600.000 đồng.

Nay bà M yêu cầu vợ chồng bà P, ông Lược có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền 16.800.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 07-9-2018: Bà Lê Thị Hồng P thừa nhận có nợ bà Huỳnh Thị M tiền 02 hụi, dây thứ 1 hụi 1.000.000 đồng/tháng nợ 11.200.000 đồng, dây 2 hụi 1.000.000 đồng/tháng nợ 5.600.000 đồng, tổng cộng 16.800.000 đồng. Nay bà P đồng ý trả số tiền trên, nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị M yêu cầu bà Lê Thị Hồng P phải trả lại số tiền nợ hụi là 16.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Nguyễn Văn L liên đới cùng bà P trả nợ cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Xét quan hệ pháp luật giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng nợ hụi”. Các đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Bị đơn bà Lê Thị Hồng P có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Văn L không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà P, ông L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà M khởi kiện yêu cầu bà P, ông L phải trả tổng số tiền của 02 dây hụi là 16.800.000 đồng trên cơ sở 02 biên nhận hụi được lập vào các ngày 20-02-2016 âm lịch và 20-11-2016 âm lịch. Bị đơn bà Lê Thị Hồng P thừa nhận có nợ bà M số tiền trên và đồng ý trả số nợ 16.800.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng. Xét yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng của bà P không được

nguyên đơn chấp nhận, gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà M, không phù hợp với quy định pháp luật nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L (chồng bà P) cùng liên đới với bà P trả số nợ 16.800.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bà Lê Thị Hồng P phải trả cho bà Huỳnh Thị M tổng số tiền 16.800.000 đồng. Bà M không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị M yêu cầu ông Nguyễn Văn L liên đới cùng bà Lê Thị Hồng P phải trả số tiền 16.800.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị M.

Buộc bà Lê Thị Hồng P phải trả cho bà Huỳnh Thị M tổng số tiền 16.800.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà P phải chịu 840.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn 420.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 36274 ngày 06-02-2018.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà P, ông L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phương